

TRƯỜNG MÀM NON  
NGHĨA LỢI

Số: 74/QĐ- MNNL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quỹ Nhất, ngày 10 tháng 07 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai thực hiện dự toán thu- chi ngân sách quý II năm 2026

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MÀM NON NGHĨA LỢI

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;  
Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2025 của Chính phủ, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của nghị định số 73/2026/nđ-cp ngày 10 tháng 3 năm 2026 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật ngân sách nhà nước;

Xét đề nghị của Bộ phận Kế toán - Văn phòng Trường MN Nghĩa Lợi,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai thực hiện dự toán thu- chi ngân sách quý II năm 2026 của trường Mầm non Nghĩa Lợi (theo các biểu đính kèm)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Văn phòng trường, bộ phận kế toán và các bộ phận liên quan của trường Mn Nghĩa Lợi chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

#### Nơi nhận:

- Đơn vị dự toán cấp trên;
- Như điều 3;
- Lưu VT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Hòa

**THUYẾT MINH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU – CHI**  
**NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ 2 NĂM 2026**  
(Kèm theo Quyết định số 74/QĐ-MNNL ngày 10/07/2026 của Trường Mầm non Nghĩa Lợi)

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 05/01/2026 của Ủy ban Nhân Dân xã Quỹ Nhất về việc giao dự toán chi NSNN năm 2026 cho trường Mầm non Nghĩa Lợi;

Căn cứ Quyết định số 910/QĐ-UBND ngày 05/05/2026 của Ủy ban Nhân Dân xã Quỹ Nhất về việc giao bổ sung dự toán chi NSNN năm 2026 cho trường Mầm non Nghĩa Lợi;

Trường Mầm non Nghĩa Lợi công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán chi NSNN quý II năm 2026 như sau:

**I. Nguồn kinh phí được giao:**

- Kinh phí ngân sách nhà nước giao đầu năm 2026: 6.236.660.000 đồng. Trong đó:

+ Kinh phí tự chủ: 5.955.620.000 đồng

+ Kinh phí không tự chủ: 281.040.000 đồng.

- Kinh phí ngân sách nhà nước giao bổ sung quý II năm 2026: 172.000.000 đồng.

Trong đó:

+ Kinh phí tự chủ: 172.000.000 đồng

+ Kinh phí không tự chủ: 0 đồng.

**II. Tình hình thực hiện dự toán chi ngân sách:**

Tổng kinh phí đã sử dụng quý II năm 2026: 1.706.807.100 đồng đạt 26% so với dự toán năm. Trong đó:

- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ đã sử dụng quý II năm 2026: 1.706.807.100 đồng đạt 26% so với dự toán năm.

- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ đã sử dụng quý II năm 2026: 0 đồng đạt 0% so với dự toán năm.

Trên đây là thuyết minh quyết toán ngân sách Trường Mầm non Nghĩa Lợi năm 2026 (Chi tiết theo biểu đính kèm)/.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN**

**Về việc công khai thực hiện dự toán thu- chi ngân sách quý II năm 2026**

Hôm nay, hồi 8h30 phút ngày 10 tháng 07 năm 2026

Tại Trường Mầm non Nghĩa Lợi

Trường Mầm non Nghĩa Lợi đã tiến hành tổ chức lập biên bản về việc công khai thực hiện dự toán thu- chi ngân sách quý II năm 2026

**I. Thành phần:**

Gồm có tất cả cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Tổng số có mặt: 27/27.

**II. Nội dung:**

1. Thông báo nội dung công khai.

- Thông báo số liệu thu- chi ngân sách quý II năm 2026 cho trường MN Nghĩa Lợi  
(Có biểu mẫu kèm theo)

- Số tiền thực hiện quý II năm 2026: 1.706.807.100 ( Một tỷ ,bảy trăm linh sáu triệu tám trăm linh bảy nghìn một trăm đồng)

2. Hình thức và thời điểm công khai.

- Thời gian: Từ ngày 10/07/2026 đến ngày 10/08/2026.

- Hình thức: Công bố công khai trong cuộc họp hội đồng sư phạm nhà trường và niêm yết tại bảng công khai nhà trường trong thời gian 30 ngày kể từ ngày niêm yết.

Biên bản lập xong hồi giờ 9h10" cùng ngày, những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

**THƯ KÝ**

**Phạm Thị Anh Thơ  
ĐẠI DIỆN TỔ 5 TUỔI**

**Trịnh Thị Hoa**

**ĐẠI DIỆN TỔ VP VÀ NUÔI ĂN**

**Trần Thị Nhung**

**CHỦ TRÌ CUỘC HỌP  
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**



**HIỆU TRƯỞNG**

**Trần Thị Hòa  
ĐẠI DIỆN TỔ 3, 4 TUỔI**

**Lại Thị Thoa**

**ĐẠI DIỆN TỔ NHÀ TRÉ**

**Phạm Thị Oanh**

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH  
(03 THÁNG – QUÝ II NĂM 2026)**

*(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)*

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 03 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Trường Mầm non Nghĩa Lợi công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 03 tháng quý II năm 2026

*Đơn vị: Triệu đồng*

| Số TT      | Nội dung                                           | Dự toán năm | Ước thực hiện 3 tháng, quý 2 năm 2026 | Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %) | Ước thực hiện quý (3 tháng năm 2026) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%) |
|------------|----------------------------------------------------|-------------|---------------------------------------|-------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                                  | 3           | 4                                     | 5                                   | 6                                                                      |
| <b>A</b>   | <b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b> |             |                                       |                                     |                                                                        |
| <b>I</b>   | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                          |             |                                       |                                     |                                                                        |
| 1          | Lệ phí                                             |             |                                       |                                     |                                                                        |
|            | Lệ phí...                                          |             |                                       |                                     |                                                                        |
|            | Lệ phí...                                          |             |                                       |                                     |                                                                        |
| 2          | Phí                                                |             |                                       |                                     |                                                                        |
|            | Phí...                                             |             |                                       |                                     |                                                                        |
|            | Phí ...                                            |             |                                       |                                     |                                                                        |
| <b>II</b>  | <b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>            |             |                                       |                                     |                                                                        |
| 1          | <i>Chi sự nghiệp....</i>                           |             |                                       |                                     |                                                                        |
| a          | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                  |             |                                       |                                     |                                                                        |
| b          | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ            |             |                                       |                                     |                                                                        |
| 2          | <b>Chi quản lý hành chính</b>                      |             |                                       |                                     |                                                                        |
| a          | Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ              |             |                                       |                                     |                                                                        |
| b          | Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ        |             |                                       |                                     |                                                                        |
| <b>III</b> | <b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>       |             |                                       |                                     |                                                                        |
| 1          | <i>Lệ phí</i>                                      |             |                                       |                                     |                                                                        |
|            | Lệ phí...                                          |             |                                       |                                     |                                                                        |

|     |                                                                                               |  |            |     |  |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------|--|------------|-----|--|
|     | Lệ phí...                                                                                     |  |            |     |  |
| 2   | Phí                                                                                           |  |            |     |  |
|     | Phí...                                                                                        |  |            |     |  |
|     | Phí...                                                                                        |  |            |     |  |
| B   | Dự toán chi ngân sách nhà nước                                                                |  | 1 706,8071 | 26% |  |
| I   | Nguồn ngân sách trong nước                                                                    |  | 1.706,8071 | 26% |  |
| 1   | Chi quản lý hành chính                                                                        |  |            |     |  |
| 1.1 | Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ                                                         |  |            |     |  |
| 1.2 | Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ                                                   |  |            |     |  |
| 2   | Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số                          |  |            |     |  |
| 2.1 | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ                                                |  |            |     |  |
|     | Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ       |  |            |     |  |
|     | Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ |  |            |     |  |
| 2.2 | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                                             |  |            |     |  |
| 2.3 | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                                       |  |            |     |  |
|     | Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo                                                 |  |            |     |  |
|     | Nhiệm vụ chuyển đổi số                                                                        |  |            |     |  |
| 3   | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo                                                               |  | 1.706,8071 | 26% |  |
| 3.1 | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                                             |  | 1.706,8071 | 26% |  |
| 3.2 | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                                       |  | 0          | 0%  |  |
| 4   | Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình                                                        |  |            |     |  |
| 4.1 | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                                             |  |            |     |  |
| 4.2 | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                                       |  |            |     |  |
| 5   | Chi bảo đảm xã hội                                                                            |  |            |     |  |
| 5.1 | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                                             |  |            |     |  |
| 5.2 | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                                       |  |            |     |  |
| 6   | Chi hoạt động kinh tế                                                                         |  |            |     |  |
| 6.1 | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                                             |  |            |     |  |

|      |                                                                             |  |  |  |  |
|------|-----------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|
| 6.2  | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                     |  |  |  |  |
| 7    | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                                      |  |  |  |  |
| 7.1  | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                           |  |  |  |  |
| 7.2  | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                     |  |  |  |  |
| 8    | <b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>                                      |  |  |  |  |
| 8.1  | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                           |  |  |  |  |
| 8.2  | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                     |  |  |  |  |
| 9    | <b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>                     |  |  |  |  |
| 9.1  | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                           |  |  |  |  |
| 9.2  | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                     |  |  |  |  |
| 10   | <b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>                                       |  |  |  |  |
| 10.1 | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                           |  |  |  |  |
| 10.2 | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                     |  |  |  |  |
| II   | <b>Nguồn vốn viện trợ</b>                                                   |  |  |  |  |
| 1    | <b>Chi quản lý hành chính</b>                                               |  |  |  |  |
| 1.1  | Dự án A                                                                     |  |  |  |  |
| 1.2  | Dự án B                                                                     |  |  |  |  |
| 2    | <b>Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số</b> |  |  |  |  |
| 2.1  | Dự án A                                                                     |  |  |  |  |
| 2.2  | Dự án B                                                                     |  |  |  |  |
| 3    | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>                          |  |  |  |  |
| 3.1  | Dự án A                                                                     |  |  |  |  |
| 3.2  | Dự án B                                                                     |  |  |  |  |
| 4    | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>                               |  |  |  |  |
| 4.1  | Dự án A                                                                     |  |  |  |  |
| 4.2  | Dự án B                                                                     |  |  |  |  |
| 5    | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                                                   |  |  |  |  |
| 5.1  | Dự án A                                                                     |  |  |  |  |
| 2.2  | Dự án B                                                                     |  |  |  |  |
| 6    | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                                                |  |  |  |  |
| 6.1  | Dự án A                                                                     |  |  |  |  |

|      |                                                                      |  |  |  |  |
|------|----------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|
| 6.2  | Dự án B                                                              |  |  |  |  |
| 7    | Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường                                      |  |  |  |  |
| 7.1  | Dự án A                                                              |  |  |  |  |
| 7.2  | Dự án B                                                              |  |  |  |  |
| 8    | Chi sự nghiệp văn hóa thông tin                                      |  |  |  |  |
| 8.1  | Dự án A                                                              |  |  |  |  |
| 8.2  | Dự án B                                                              |  |  |  |  |
| 9    | Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn                     |  |  |  |  |
| 9.1  | Dự án A                                                              |  |  |  |  |
| 9.2  | Dự án B                                                              |  |  |  |  |
| 10   | Chi sự nghiệp thể dục thể thao                                       |  |  |  |  |
| 10.1 | Dự án A                                                              |  |  |  |  |
| 10.2 | Dự án B                                                              |  |  |  |  |
| III  | Nguồn vay nợ nước ngoài                                              |  |  |  |  |
| 1    | Chi quản lý hành chính                                               |  |  |  |  |
| 1.1  | Dự án A                                                              |  |  |  |  |
| 1.2  | Dự án B                                                              |  |  |  |  |
| 2    | Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số |  |  |  |  |
| 2.1  | Dự án A                                                              |  |  |  |  |
| 2.2  | Dự án B                                                              |  |  |  |  |
| 3    | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề                          |  |  |  |  |
| 3.1  | Dự án A                                                              |  |  |  |  |
| 3.2  | Dự án B                                                              |  |  |  |  |
| 4    | Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình                               |  |  |  |  |
| 4.1  | Dự án A                                                              |  |  |  |  |
| 4.2  | Dự án B                                                              |  |  |  |  |
| 5    | Chi bảo đảm xã hội                                                   |  |  |  |  |
| 5.1  | Dự án A                                                              |  |  |  |  |
| 2.2  | Dự án B                                                              |  |  |  |  |
| 6    | Chi hoạt động kinh tế                                                |  |  |  |  |
| 6.1  | Dự án A                                                              |  |  |  |  |
| 6.2  | Dự án B                                                              |  |  |  |  |
| 7    | Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường                                      |  |  |  |  |
| 7.1  | Dự án A                                                              |  |  |  |  |

|      |                                                  |  |  |  |  |
|------|--------------------------------------------------|--|--|--|--|
| 7.2  | Dự án B                                          |  |  |  |  |
| 8    | Chi sự nghiệp văn hóa thông tin                  |  |  |  |  |
| 8.1  | Dự án A                                          |  |  |  |  |
| 8.2  | Dự án B                                          |  |  |  |  |
| 9    | Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn |  |  |  |  |
| 9.1  | Dự án A                                          |  |  |  |  |
| 9.2  | Dự án B                                          |  |  |  |  |
| 10   | Chi sự nghiệp thể dục thể thao                   |  |  |  |  |
| 10.1 | Dự án A                                          |  |  |  |  |
| 10.2 | Dự án B                                          |  |  |  |  |

Ngày 10 tháng 07 năm 2026

**Thủ trưởng đơn vị**

(Chữ ký, dấu)



HIỆU TRƯỞNG  
*Trần Thị Hòa*